

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ VỆ SINH TRƯỜNG HỌC

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân ngày 30 tháng 06 năm 1989;

Căn cứ Nghị định số 68/CP ngày 11/10/1993 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Y tế.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Y tế dự phòng, Chánh thanh tra - Bộ Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định về vệ sinh trường học.

Điều 2. Vụ Y tế phòng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành. Các quy định trước đây trái với quy định trong Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 4. Các Chánh Văn phòng, Chánh thanh tra, Vụ trưởng Vụ y tế dự phòng, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ y tế, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ và Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng y tế ngành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thường

QUY ĐỊNH

VỀ VỆ SINH TRƯỜNG HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1221/2000/QĐ-BYT ngày 18/4/2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về vệ sinh trường học bao gồm vệ sinh môi trường học tập; vệ sinh các phương tiện phục vụ học tập của trường học và vệ sinh nhà ở, nhà ăn ở các trường có học sinh nội trú, bán trú; quy định về kiểm tra, thanh tra, xử lý những trường hợp vi phạm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với tất cả các trường phổ thông: trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Chương 2:

YÊU CẦU VỀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP.

Điều 3. Địa điểm xây dựng trường học.

- Trường học xây dựng ở nơi cao ráo, sạch sẽ, sáng sủa, yên tĩnh.
- Thuận tiện cho việc đi học của học sinh. Khoảng cách lớn nhất từ nhà tới trường để học sinh đi bộ trong thời gian từ 20 đến 30 phút. Cụ thể như sau:
Học sinh trường tiểu học không phải đi xa quá 1000m.
Học sinh trường trung học cơ sở không phải đi xa quá 1500m.
Học sinh trường trung học phổ thông không phải đi xa quá 3000m.
Riêng đối với miền núi, bán kính không quá 2000m đối với trường tiểu học và 3000m đối với trường trung học cơ sở.

3. Ở xa những nơi phát sinh ra các hơi khí độc hại, khói, bụi, tiếng ồn. Xa các bến xe, bến tàu, kho xăng dầu, bãi rác, chợ... xa các trục đường giao thông lớn, xa sông, suối và thác nghènh hiểm trở.

Điều 4. Hướng của trường (hướng cửa sổ chiếu sáng chính của các phòng học) là hướng Nam hoặc Đông Nam.

Điều 5. Diện tích khu trường.

1. Trường phải đủ rộng để làm chỗ học, sân chơi, bãi tập và trồng cây xanh.
2. Ở các vùng nông thôn, miền núi diện tích trung bình không dưới $10m^2$ cho một học sinh.
3. Ở các thành phố, thị xã trung bình không dưới $6m^2$ cho một học sinh.

Trong đó:

Diện tích để xây dựng các loại công trình chiếm từ 20% đến 30%.

Diện tích để trồng cây xanh từ 20% đến 40%.

Diện tích để làm sân chơi, bãi tập... từ 40% đến 50%.

Điều 6. Sân trường phải bằng phẳng, rộng rãi, có rãnh thoát nước tốt, không bị lầy lội, ứ đọng nước khi trời mưa. Sân được lát bằng gạch, lát xi măng hoặc bằng đất nện chặt.

Chương 3:

YÊU CẦU VỀ VỆ SINH PHÒNG HỌC.

Điều 7. Diện tích phòng học: Trung bình từ $1,10m^2$ đến $1,25m^2$ cho một học sinh.

Kích thước phòng học: chiều dài không quá 8,5m, chiều rộng không quá 6,5m, chiều cao 3,6m.

Điều 8. Thông gió thoáng khí.

1. Phòng học được thông gió tự nhiên, đảm bảo mát mẻ về mùa hè, ấm áp về mùa đông.
2. Phòng học có hệ thống thông gió nhân tạo như quạt trần, quạt thông gió treo cao trên mức nguồn sáng... để đảm bảo tỷ lệ khí CO_2 trong phòng không quá 0,1%.

Điều 9. Chiếu sáng.

Phòng học cần đảm bảo độ chiếu sáng đồng đều không dưới 100 lux. Riêng phòng học có học sinh khiếm thị thì độ chiếu sáng không dưới 300 lux.

1. Chiếu sáng tự nhiên:

- Phòng học phải được chiếu sáng tự nhiên đầy đủ.
- Hướng để lấy ánh sáng tự nhiên chủ yếu là hướng Nam (cửa sổ ở phía không có hành lang) về phía tay trái của học sinh khi ngồi viết.
- Tổng số diện tích các cửa được chiếu sáng không dưới 1/5 diện tích phòng học.
- Cửa sổ phải có cửa chớp, cửa kính để che nắng và cản mưa, gió lạnh thổi vào.

2. Chiếu sáng nhân tạo.

- Để hỗ trợ khi phòng học thiếu ánh sáng tự nhiên cần chiếu sáng nhân tạo. Số lượng bóng đèn chiếu sáng như sau: Nếu là bóng đèn tóc thì cần 4 bóng, mỗi bóng có công suất từ 150W đến 200W treo đều ở 4 góc. Nếu là bóng đèn neon thì treo 6-8 bóng, mỗi bóng dài 1,2m. Các bóng đèn treo ở độ cao cách mặt bàn học 2,8m.

3. Trần của phòng học quét vôi trắng, tường quét vôi màu vàng nhạt.

Điều 10. Phòng học phải được yên tĩnh. Tiếng ồn trong phòng không được quá 50 đêxiben (dB).

Điều 11. Phòng học phải được làm vệ sinh hằng ngày trước giờ học 20 phút hoặc sau khi tan học.

Điều 12. Bàn, ghế học sinh.

1. Bàn ghế phải đủ rộng, chắc chắn, các góc cạnh bàn phải tròn, nhằm đảm bảo an toàn.
2. Kích thước (chiều cao, bề rộng, chiều sâu) của bàn và ghế phải tương ứng với nhau đồng thời phải phù hợp với tầm vóc của học sinh.

Các chỉ số (cm)	Cỡ bàn và ghế					
	I	II	III	IV	V	VI
Chiều cao bàn	46	50	55	61	69	74
Chiều cao ghế	27	30	33	38	44	46
Hiệu số chiều cao giữa bàn và ghế	19	20	22	23	25	28

- Loại I giành cho học sinh có chiều cao cơ thể từ 1,00m đến 1,09m.
- Loại II giành cho học sinh có chiều cao cơ thể từ 1,10m đến 1,19m.
- Loại III giành cho học sinh có chiều cao cơ thể từ 1,20m đến 1,29m.
- Loại IV giành cho học sinh có chiều cao cơ thể từ 1,30m đến 1,39m.
- Loại V giành cho học sinh có chiều cao cơ thể từ 1,40m đến 1,54m.
- Loại VI giành cho học sinh có chiều cao cơ thể từ 1,55m trở lên.

Bàn học thích hợp nhất là loại bàn 2 chỗ ngồi, mỗi chỗ ngồi rộng không dưới 0,5m.

Ghế học phải rời với bàn và có thành tựa.

3. Cách kê bàn ghế trong phòng học: Bàn đầu đặt cách bảng từ 1,7m đến 2m. Bàn cuối cùng cách bảng không quá 8m.

Điều 13. Bảng học.

1. Bảng cần được chống loá.
2. Kích thước: Chiều dài từ 1,8m đến 2,0m. Chiều rộng từ 1,2m đến 1,5m.
3. Màu sắc bảng: Màu xanh lá cây hoặc màu đen (nếu viết bằng phấn), màu trắng nếu viết bằng bút dạ bảng đen.
4. Cách treo bảng: Treo ở giữa tường, mép dưới bảng cách nền phòng học từ 0,8m đến 1m.
5. Chữ viết trên bảng có chiều cao không nhỏ hơn 4cm.

Điều 14. Tranh ảnh, giáo cụ trực quan phải sạch sẽ, bền màu, rõ ràng và an toàn.

Điều 15. Phòng thí nghiệm.

Phòng thí nghiệm bao gồm các phòng vật lý, hoá học, sinh học... phải đảm bảo các yêu cầu vệ sinh sau đây:

1. Bảng nội quy của phòng thí nghiệm viết rõ ràng, cụ thể, đầy đủ và được treo ở nơi dễ đọc.
2. Chiếu sáng đồng đều: từ 150 lux đến 200 lux.
3. Các đường dẫn điện, khí đốt, các ổ cắm điện... đảm bảo an toàn cho học sinh khi tiến hành làm thí nghiệm.

Điều 16. Các phòng thực hành, lao động cần đảm bảo các yêu cầu sau đây: